

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/12/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bé Em

2. Ông Bùi Tuấn Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 375/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 147/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Đông T, sinh năm: 1997;

Địa chỉ: ấp P, xã PT, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Số 85A4, khu phố H, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Huỳnh Đông T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/6/2016, hôn nhân do tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì cuộc sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã hàn gắn lại với nhau nhưng đến đầu năm 2020 lại tiếp tục

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau, bà và ông T đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành và đã ly thân từ đầu tháng 8 năm 2020 đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu xin được ly hôn.

Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 05/01/2017. Sau khi ly hôn, sẽ do bà trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà và ông T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà và ông T không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên bà T không thể đến Tòa án tham gia phiên tòa được. Vì vậy, bà T có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hai lần triệu tập hợp lệ ông T đến để tiến hành hòa giải nhưng ông T vắng mặt và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Đông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Huỳnh Đông T khởi kiện ông Nguyễn Thanh T yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Huỳnh Đông T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Đông T và ông Nguyễn Thanh T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 16/6/2006, hôn nhân do tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, bà T cho rằng bà và ông T bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi, không hợp nhau, bà và ông T đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành nên đã ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, Tòa án đã triệu tập ông T để tham gia phiên hòa giải nhưng ông T vắng mặt và không trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thể hiện ông không muốn hàn gắn và ông bà cũng đã ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Đồng thời vào ngày 13/11/2020, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Đặng Thị Thanh C là mẹ ruột của bà T thể hiện bà T và ông T có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và đã ly thân cho đến nay. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[3.2] Về con chung: bà T và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 05/01/2017, bà T yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của bà T nên yêu cầu nuôi con chung của bà T phù hợp với quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Huỳnh Đông T phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Đông T đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T, cụ thể tuyên:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Đông T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày: 05/01/2017 cho bà Huỳnh Đông T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Huỳnh Đông T không yêu cầu ông Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Thanh T được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Đông T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Huỳnh Đông T khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Huỳnh Đông T phải nộp nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003434 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Bà Huỳnh Đông T và ông Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Út